

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 5 – 2024

“ *V/v Tranh chấp ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Ông Trần Văn Lập

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.*

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST – HNGĐ ngày 29/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Hò Thị Thùy L](#), sinh năm: 1995.

- *Bị đơn:* Anh [Dương Minh T](#), sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ cư trú: [ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị [Hò Thị Thùy L](#) trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị [L](#) và anh [T](#) hình thành là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại [UBND xã T](#) vào ngày 23/8/2013. Sau khi cưới chị [L](#) và anh [T](#) sống chung tại [xã T, huyện V](#). Chị [L](#) và anh [T](#) chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn

hạnh phúc. Chị **L** và anh **T** tuy còn sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 4/2023 đến nay.

Nay chị **Linh cảm t** tình cảm vợ chồng không còn nên chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **T**.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên **Dương Anh T1**, sinh ngày 19/11/2014 và **Dương Quốc B**, sinh ngày 11/02/2020. Đối với cháu **T1**, sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu muốn sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng và người kia không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu **B** thì chị **L** đồng ý giao cho anh **B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị **L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **T** vắng mặt tại phiên Tòa không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bằng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/4/2024 và việc bị đơn anh **T** được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa Chị **L** và anh **T** có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa Chị **L** và anh **T** có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị **L** và anh **T** tuy còn sống chung nhà nhưng không tình nghĩa vợ chồng, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.”

Tòa án đã triệu tập anh **T** nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng anh **T** cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy anh **T** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa Chị **L** và anh **T** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời cả chị **L** và anh **T** đều vi phạm nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó chị **L** yêu cầu xin ly hôn với anh **T** là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên **Dương Anh T1**, sinh ngày 19/11/2014 và **Dương Quốc B**, sinh ngày 11/02/2020. Chị **L** trình bày đối với cháu **T1**, sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu muốn sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng và người kia không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu **B** thì chị **L** đồng ý giao cho anh **B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị **L** không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với cháu **T1**, tại bản khai ý kiến ngày 13/3/2024, cháu **T1** có nguyện vọng sống chung với mẹ nên giao cháu **T1** cho chị **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Đối với cháu **B**, từ nhỏ đã sống chung với anh **T**, cuộc sống ổn định và phát triển bình thường nên giao cháu **B** cho anh **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị **L** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị **L** không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh **T** không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị **L** không yêu cầu giải quyết. Bị đơn anh **T** không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị **L** phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Thùy L được ly hôn với anh Dương Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Anh T1, sinh ngày 19/11/2014 cho chị Hồ Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Dương Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con; Giao cháu Dương Quốc B, sinh ngày 11/02/2020 cho anh Dương Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hồ Thị Thùy L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Hồ Thị Thùy L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Thị Thùy L phải nộp số tiền là: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008812 ngày 29/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, nên chị L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường

